

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN QUỸ

B. NGÂN QUỸ			MỨC PHÍ	
MÃ PHÍ	STT	DỊCH VỤ	VND	NGOẠI TỆ
	<b>I</b>	<b>Đổi tiền</b>		
	1	Đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông		
B001	1.1	Việt Nam đồng	Miễn phí	
	1.2	Ngoại tệ:		
B002	1.2.1	Nhận để gửi nhờ thu		1 USD/tờ
B003	1.2.2	Thanh toán kết quả nhờ thu		2% giá trị báo có
B004	1.2.3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu		5 USD
B005	1.2.4	Nhờ thu bị từ chối		Thu theo thực tế
	2	Đổi tiền		
B006	2.1	Tờ mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn		2%, tối thiểu 2 USD
B006a	2.1.1	Mệnh giá nhỏ: ≤ 10.000 VND	0,5%, tối thiểu 10.000 VND	
B006b	2.1.2	Mệnh giá nhỏ: >10.000 VND	Trên 10.000 VND: 0,3% tối thiểu 10.000	
B007	2.2	Tờ mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ		Miễn phí
B008	2.3	Thu đổi ngoại tệ tiền mặt lấy VND		Miễn phí
B009	3	Kiểm định ngoại tệ (xác định thật, giả)		0,2 USD/tờ Tối thiểu 1 USD
	<b>II</b>	<b>Kiểm đếm tiền mặt</b>		
B010		Kiểm đếm tiền mặt VND mệnh giá nhỏ (Các loại tiền đồng còn hiệu lực thông hành có mệnh giá từ 5.000 VND trở xuống). Chỉ thu khi số lượng tờ mệnh giá nhỏ nộp vào từ 100 tờ trở lên	0,03% số tiền kiểm đếm Tối thiểu: 50.000VND Tối đa 3.000.000 VND	
	<b>III</b>	<b>Giấy phép mang ngoại tệ</b>		
B011	1	Cấp giấy phép		Miễn phí
B012	2	Đổi giấy phép		15.000 VND/lần
	<b>IV</b>	<b>Lưu trữ quản lý tài sản</b>		

B013	1	Giữ hộ tiền (Khách hàng trong thời gian gửi không được bớt 1 phần. Niêm phong nguyên bao theo giá trị kê khai)	0,05%/số tiền kê khai/đêm Tối thiểu: 100.000VND + phí kiểm đếm (nếu có)	0,05%/số tiền kê khai/đêm Tối thiểu: 10USD + phí kiểm đếm (nếu có)
B014	2	Lưu giữ hộ giấy tờ có giá	0,03%/bộ/tháng Tối thiểu 50.000 VND Tối đa 500.000 VND	
B015	3	Lưu giữ hộ giấy tờ sở hữu bất động sản, động sản, giấy tờ khác (có kiểm đếm theo danh sách)	Theo thỏa thuận Tối thiểu 30.000 VND/bộ/tháng	
B016	4	Cho thuê kết	Theo quy định của dịch vụ cho thuê kết	
	<b>V</b>	<b>Dịch vụ khác</b>		
B017	1	Thu/chí tiền mặt tại địa chỉ theo yêu cầu của khách hàng	Theo thỏa thuận	
B018	2	Kiểm đếm hộ tại nơi khách hàng yêu cầu	theo thỏa thuận, tối thiểu 500.000 VND	
B019	3	Dịch vụ khác theo yêu cầu của khách hàng	Theo thỏa thuận	

**Ghi chú:**

1. Biểu phí trên áp dụng đối với khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp.
2. Các mức phí quy định trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) (trừ những trường hợp được quy định cụ thể). VCB sẽ tính thuế VAT đối với các khoản mục phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí.
4. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và quy định nội bộ của VCB.
5. Các chi phí thực tế khác như thuế, phí của ngân hàng khác tham gia vào dịch vụ, bưu phí, điện phí (Swift, Telex, Fax...), các chi phí khác phải trả cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ (nếu có) sẽ được thu thêm theo thực chi hoặc theo quy định tại Biểu phí, trừ trường hợp có quy định khác.
6. Chủ tài khoản được hiểu bao gồm chủ tài khoản và những người được chủ tài khoản ủy quyền thực hiện giao dịch theo danh sách hạn chế có đăng ký trước với VCB.

7. Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VCB gây ra, VCB không hoàn lại phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu.
8. Biểu phí này được phép thay đổi mà không cần có sự báo trước của VCB trừ khi VCB và khách hàng có thoả thuận khác.
9. Các nội dung khác được quy định theo hướng dẫn của VCB trong từng thời kỳ.